

Cần Thơ, ngày 17 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng**  
**ngân hàng đề thi kết thúc học phần**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ**

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-DHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ, về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

**Điều 2.** Các ông /bà Trưởng phòng, khoa, các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./. *bđ*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- BGH, Đảng ủy (để báo cáo);
- Lưu VT, P.ĐBCL&KT.



Huỳnh Thanh Nhã

## QUY ĐỊNH

**Về biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi kết thúc học phần**  
(*Ban hành Kèm theo Quyết định số 51/QĐ-ĐHKTNCN, ngày 27 tháng 11 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ*)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc tổ chức ra đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, ngân hàng đề thi, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi theo các hình thức thi viết (gồm thi tự luận, trắc nghiệm khách quan).

2. Văn bản này áp dụng với các khoa, phòng, bộ môn, cán bộ, giảng viên tham gia ra đề thi, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi thuộc Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

3. Văn bản này áp dụng với thi kết thúc học phần các hệ đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ. Văn bản này không áp dụng đối với ra đề thi tuyển sinh đại học hệ chính quy và kiểm tra đánh giá theo hình thức: viết tiểu luận, làm bài tập lớn, thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

#### Điều 2. Quy định hình thức thi

Hình thức thi đối với thi kết thúc học phần được quy định ở đề cương chi tiết học phần đã được duyệt của các khoa và phải thông báo cho sinh viên biết từ đầu năm học hay đầu học kỳ và được nhắc lại khi bắt đầu môn học.

#### Điều 3. Các khái niệm

1. Bộ đề thi là các đề thi một học phần, một môn học được biên soạn và sử dụng trong trường hợp chưa có ngân hàng đề thi của học phần, môn học đó. Bộ đề thi được sử dụng trong một kỳ thi, các đề thi trong bộ đề thi phải có yêu cầu kiểm tra, đánh giá tương đương theo bậc năng lực nhận thức.

2. Ngân hàng đề thi/câu hỏi thi là tập hợp nhiều đề thi/câu hỏi thi của một hay nhiều môn thi. Ngân hàng đề thi/câu hỏi thi phải đảm bảo có đủ số đề thi/câu hỏi thi để chọn ngẫu nhiên để thi/tổ hợp đề thi phục vụ tổ chức thi cho ít nhất 4 kỳ thi.

3. Đề thi gốc là đề thi sau biên soạn đã được thẩm định, phê duyệt về nội dung, hình thức trình bày và được in ra. Đề thi gốc có chữ ký của giảng viên



biên soạn đề thi và Trưởng/Phó Bộ môn. Kèm theo đề thi gốc có chế bản vi tính của đề thi lưu ở định dạng Word và PDF.

4. Bản in đề thi là bản đề thi được in từ chế bản vi tính mà từ đó đã in ra đề thi gốc.

5. Bản sao đề thi là bản sao chép từ đề thi gốc hoặc bản in từ chế bản vi tính của đề thi đã lưu ở định dạng PDF, số lượng bản sao đề thi được sao chép theo số lượng đề chính thức và đề thi dự trữ đăng ký tại kế hoạch thi.

## Chương II

### YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG ĐỀ THI, CÂU HỎI THI

#### Điều 4. Hình thức trình bày của đề thi

1. Đề thi phải được chế bản vi tính theo định dạng Word trên khổ giấy A4; font chữ Times New Roman; không giãn dòng, cỡ chữ 13 hoặc 14. Tại điểm kết thúc đề thi phải có chữ "Hết"; phải đánh số trang ở phía dưới mỗi trang đề (đối với đề thi có từ 02 trang trở lên).

2. Câu hỏi thi/de thi và đáp án sau khi được thẩm định, mỗi câu hỏi thi/de thi và đáp án câu hỏi thi/de thi chế bản vi tính lưu trong một tệp (file) riêng có mã tương ứng. Bản đề thi gốc và đáp án được in một mặt trên khổ giấy A4.

3. Đề thi trình bày theo mẫu quy định (Đề thi tự luận: Mẫu CL02-BM01a; Đề thi trắc nghiệm khách quan: Mẫu CL02-BM02a, Phiếu trả lời trắc nghiệm: Mẫu CL02-BM02b1, Mẫu CL02-BM02b).

4. Đối với đề thi kết hợp trắc nghiệm và tự luận, dựa theo mẫu đề thi trắc nghiệm cán bộ giảng dạy bổ sung thêm phần tự luận và thiết kế phần bài làm tự luận trên phiếu trả lời trắc nghiệm: Mẫu CL02-BM02a,01a).

#### Điều 5. Nội dung của đề thi, câu hỏi thi

1) Lời văn, câu chữ trong câu hỏi, bài tập của đề thi phải rõ ràng, mạch lạc, một nghĩa, đúng văn phạm, đúng chính tả, không sử dụng những từ ngữ gây hiểu lầm hoặc có thể hiểu theo nhiều cách trong đề thi. Trong trường hợp bắt buộc phải dùng từ đa nghĩa thì phải giải thích theo nghĩa được sử dụng trong đề.

2) Câu hỏi, bài tập trong đề thi phải được biên soạn trên cơ sở giáo trình và tài liệu sinh viên được giới thiệu, học trong chương trình đào tạo của Trường, chương trình ôn tập đã công bố; phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, không có sai sót về kiến thức, bao quát nội dung kiến thức; yêu cầu kỹ năng, phù hợp với mục tiêu của kỳ thi, phù hợp với thời gian cho phép thí sinh làm bài. Phải quy định rõ thời gian làm bài của thí sinh trên đề thi.

3) Câu hỏi thi, đề thi đảm bảo đánh giá được mức độ hiểu biết của sinh viên về kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành, vận dụng, liên hệ thực tế; đánh giá được sinh viên đạt chuẩn đầu ra và mức độ đáp ứng mục tiêu môn học.

4) Đề thi phải đảm bảo các nội dung:

- Đủ số câu hỏi thi theo hình thức thi và số tín chỉ của học phần

- Thời gian làm bài thi phù hợp với khối lượng kiến thức được kiểm tra
- Thang điểm cho các phần nội dung thi/ câu hỏi thi
- Có phần ký duyệt đề thi từ cấp bộ môn trở lên

#### **Điều 6. Số câu hỏi thi của một đề thi**

1. Đối với đề thi tự luận: Số câu hỏi, bài tập trong đề thi không quá 10 câu.
2. Đối với đề thi trắc nghiệm khách quan (TNKQ):
  - a) Các câu hỏi đề thi TNKQ biên soạn thông nhất 4 phương án trả lời và chỉ có 1 phương án trả lời đúng.
  - b) Số câu hỏi đề thi TNKQ: học phần có 02, 03 tín chỉ tối thiểu là 30 câu; học phần có từ 4 tín chỉ trở lên tối thiểu là 50 câu.

#### **Điều 7. Số lượng đề thi của một bộ đề cho một kỳ thi, ca thi**

1. Bộ đề thi cho một kỳ thi phải có đủ đề thi chính thức và dự bị, có đủ đề thi cho các ca thi và đề thi lại (nếu có).
2. Đối với một ca thi:
  - a) Thi tự luận: số lượng đề thi sử dụng trong một ca thi phải ghi rõ trong kế hoạch đặt đề thi.
  - b) Thi TNKQ: sử dụng 01 đề thi với 04 mã đề hoặc sử dụng 02 đề tương đương về số câu hỏi và yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng.

#### **Điều 8. Thời gian làm bài thi**

Thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi được quy định theo số tín chỉ của học phần, cụ thể như sau:

1. Thi tự luận: Đối với học phần 02 tín chỉ thời gian làm bài từ 60 phút đến 75 phút; từ 03 tín chỉ trở lên thời gian làm bài là 90 phút đến 120 phút.
2. Thi TNKQ: Đối với học phần 02 tín chỉ thời gian làm bài từ 30 phút đến 60 phút; từ 03 tín chỉ trở lên thời gian làm bài tối đa không quá 75 phút.
3. Các học phần thi theo hình thức trắc nghiệm kết tự luận: Đối với học phần 02 tín chỉ thời gian làm bài tối đa không quá 60 phút; từ 03 tín chỉ trở lên thời gian làm bài tối đa không quá 90 phút.

#### **Điều 9. Thang điểm**

1. Đối với đề thi tự luận, thang điểm của đề thi là 10 điểm, ghi rõ điểm tối đa của từng câu hỏi, bài tập trong đề thi.
2. Đối với đề thi TNKQ, câu hỏi dù kiểm tra, đánh giá kiến thức và kỹ năng theo các bậc năng lực nhận thức khác nhau thì vẫn cho điểm theo thang điểm bình quân/một câu. Điểm toàn bài được quy đổi về thang điểm 10, điểm quy đổi làm tròn đến một chữ số thập phân, quy đổi như sau:

$$P = \frac{10T}{Q}$$

Trong đó: Q là số câu hỏi của đề thi TNKQ  
T là số câu làm đúng  
P là điểm bài thi

### **Điều 10. Đáp án**

1. Đáp án của đề thi phải trình bày cụ thể các nội dung kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được một cách khoa học, chặt chẽ, chính xác. Cách trình bày mạch lạc, chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu, phù hợp với yêu cầu kiểm tra, đánh giá của đề thi.

2. Đối với đáp án đề thi tự luận, đáp án có thang điểm chi tiết đến 0,25 điểm. Đáp án đề thi tự luận biên soạn theo Mẫu CL02-BM01b.

3. Đối với đáp án đề thi TNKQ, phần lời giải các câu hỏi của đề thi trình bày như đáp án thi tự luận, bảng đáp án theo phương án trả lời đúng của các mã đề thực hiện theo Mẫu: CL02-BM02c.

### **Điều 11. Yêu cầu đối với ngân hàng đề thi**

1. Ngân hàng đề thi có thể được xây dựng theo cách soạn từng đề thi theo cấu trúc hoàn chỉnh hoặc soạn ngân hàng câu hỏi sau đó tổ hợp các đề thi từ ngân hàng câu hỏi theo cấu trúc đề thi.

2. Cấu trúc đề thi (còn gọi là ma trận kiến thức cho một đề thi) được tiến hành xác định theo Mẫu CL03-BM02:

a) Xác định các chủ đề cần kiểm tra, đánh giá.

b) Xác định tỷ lệ kiến thức của các chủ đề cần có trong đề thi.

c) Xác định tỷ lệ các câu hỏi kiểm tra, đánh giá các bậc năng lực nhận thức.

d) Xác định thời gian làm bài thi.

đ) Xác định thang điểm tương ứng với các câu hỏi thi.

3. Yêu cầu nội dung kiến thức và hình thức trình bày từng câu hỏi, bài tập trong ngân hàng đề thi thực hiện theo Điều 4 và Điều 5 của Quy định này.

4. Số lượng đề thi trong ngân hàng đề thi được quy định như sau:

a) Đối với ngân hàng đề thi tự luận, số lượng đề thi của ngân hàng đề cho một học phần (hay môn thi) phải có tối thiểu 15 đề thi và các đáp án kèm theo.

b) Đối với ngân hàng đề thi TNKQ, số đề thi được tổ hợp tối thiểu 10 đề/học phần, mỗi đề thi có thể được trộn thành 04 mã.

### **Điều 12. Yêu cầu đối với ngân hàng câu hỏi thi**

1. Yêu cầu nội dung kiến thức và hình thức trình bày từng câu hỏi, bài tập trong ngân hàng câu hỏi thi thực hiện theo Điều 4 và Điều 5 của Quy định này.

2. Khi biên soạn ngân hàng câu hỏi (NHCHT) thi phải dựa trên cấu trúc đề thi, từ đó xác định ma trận câu hỏi thi cho học phần, môn học. Số lượng câu

hỏi trong ngân hàng tối thiểu được quy định như sau:

a) Đối với ngân hàng câu hỏi thi tự luận, phải có tối thiểu 15 câu hỏi/1 tín chỉ (câu hỏi thi trong ngân hàng có thể là câu hỏi lý thuyết hoặc bài tập).

b) Đối với ngân hàng câu hỏi thi TNKQ, số câu hỏi của ngân hàng câu hỏi phải có tối thiểu 100 câu hỏi/1 tín chỉ.

3. Câu hỏi trong NHCHT được phân bố theo các nhóm nội dung và phân loại theo thang bậc nhận thức gồm: “Nhớ”; “Hiểu, Vận dụng”; “Phân tích, tổng hợp”; “Đánh giá”. Ngân hàng câu hỏi thi được tổng hợp theo Mẫu CL03-BM03. Để đảm bảo tổ hợp đủ số đề thi và đáp ứng cấu trúc đề thi, cần xác định:

a) Số đề thi cần tổ hợp.

b) Số câu hỏi tối thiểu theo từng nhóm nội dung (chương/phần, lý thuyết/bài tập, thang điểm).

c) Số câu hỏi theo mỗi bậc năng lực nhận thức trong từng nhóm nội dung.

d) Thang điểm từng nhóm câu hỏi.

4. Việc xác định số câu hỏi thi/tín chỉ phải đảm bảo để khi tổ hợp đề thi theo cấu trúc đã xác định với số lượng đề thi tối thiểu/học phần sao cho các đề thi không có nội dung câu hỏi trùng nhau.

### Chương III

## BIÊN SOẠN/ PHẢN BIỆN NGÂN HÀNG ĐỀ THI, CÂU HỎI THI

### Điều 13. Biên soạn, phản biện, duyệt đề thi/đáp án

#### 1. Biên soạn đề thi/đáp án

- Cán bộ biên soạn bộ đề thi/đáp án: Phải là cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên, đã tham gia giảng dạy học phần/môn học ít nhất 02 lượt.

- Mỗi bộ đề thi/đáp án có thể có 01 hoặc 02 cán bộ biên soạn.

#### 2. Phản biện đề thi/đáp án (Cán bộ phản biện do Bộ môn lựa chọn).

- Cán bộ phản biện bộ đề thi/đáp án: Phải là cán bộ giảng dạy có trình độ thạc sĩ trở lên, đã giảng dạy học phần/môn học ít nhất 02 lượt.

- Mỗi bộ đề thi/đáp án có thể có 01 hoặc 02 cán bộ phản biện. Mỗi cán bộ có thể phản biện toàn bộ nội dung hoặc một phần bộ đề thi/đáp án.

- Cán bộ phản biện bộ đề thi/đáp án có nhiệm vụ: Nhận xét, kiến nghị về hình thức, nội dung; thang điểm; tính hợp lý của cấu trúc đề thi/đáp án hoặc sai sót (nếu có)...

#### 3. Duyệt đề thi/đáp án

- Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm ký duyệt đề thi/đáp án các học phần thuộc đơn vị mình quản lý.

- Cán bộ duyệt đề phải đọc kỹ từng câu của đề thi, đáp án và thang điểm tương ứng. Nếu có thay đổi hoặc bổ sung thì trao đổi với giảng viên ra đề để

hoàn thiện đề thi/đáp án. Đề thi/đáp án đã được ký duyệt phải niêm phong bảo mật trước khi bàn giao cho Phòng ĐBCL & KT.

- Cán bộ duyệt đề không được ký duyệt đề do chính mình biên soạn. Trong trường hợp này, lãnh đạo khoa chịu trách nhiệm duyệt đề.

#### **Điều 14. Quy trình soạn thảo ngân hàng đề thi, câu hỏi thi và đáp án.**

Quy trình này gồm 4 bước

**Bước 1:** Trưởng khoa/bộ môn trực thuộc Trường phân công, chỉ đạo các nhóm chuyên ngành xây dựng cấu trúc đề thi, ngân hàng đề thi tự luận hoặc ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm và đáp án các môn học do khoa/bộ môn phụ trách quản lý và giảng dạy theo đề cương chi tiết và khung chương trình của Nhà trường. Trưởng bộ môn phân công giảng viên xây dựng ngân hàng đề thi tự luận/ câu hỏi thi trắc nghiệm kết thúc mỗi môn học (Mẫu: CL03-BM01) giảng viên biên soạn Ngân hàng đề thi tự luận (Mẫu: CL03-BM04) hoặc Ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm (Mẫu: CL03-BM05); trực tiếp chỉ đạo phản biện, chỉnh sửa hoàn thiện ngân hàng đề thi tự luận, ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm.

**Bước 2:** Khoa/bộ môn tổ chức phản biện, thẩm định. Biên bản phản biện đề thi tự luận/câu hỏi trắc nghiệm và đáp án (Mẫu: CL03-BM06), khuyến khích thi thử, phân tích chỉnh sửa đề và đáp án đối với đề thi tự luận; tổ chức thi thử, phân tích, đánh giá và chỉnh sửa ngân hàng đề thi trắc nghiệm và đáp án.

**Bước 3:** Lãnh đạo khoa/bộ môn tiến hành nghiệm thu ngân hàng đề thi và đáp án. Biên bản nghiệm thu đề thi tự luận/câu hỏi trắc nghiệm và đáp án (Mẫu: CL03-BM07).

**Bước 4:** Lưu trữ ngân hàng bằng file mềm định dạng “Word và PDF” trên đĩa CD và bản in trên giấy A4.

Tất cả các bước đều được ghi thành biên bản.

#### **Điều 15. Việc chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng đề thi tự luận/câu hỏi thi trắc nghiệm và đáp án**

1. Theo định kỳ 1 năm/lần, các khoa/bộ môn rà soát, chỉnh sửa, bổ sung đề/câu hỏi thi cho phù hợp với việc rà soát, chỉnh sửa nội dung chương trình giảng dạy; việc bổ sung, chỉnh sửa phải được tiến hành trước kỳ thi kết thúc môn học 2 tháng.

2. Khi cần, các khoa/bộ môn có thể chỉnh sửa hoặc thay thế đề/câu hỏi thi. Việc chỉnh sửa hoặc thay thế này phải tuân thủ các bước trong Quy trình soạn thảo ngân hàng đề thi tự luận/ câu hỏi thi trắc nghiệm và đáp án.

3. Số lượng câu hỏi bổ sung tối đa 15% số lượng câu hỏi có trong ngân hàng câu hỏi.

### **Chương IV**

#### **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGÂN HÀNG ĐỀ THI**

#### **Điều 16. Mã hóa, quản lý và khai thác đề thi/đáp án**

1. Khoa/bộ môn tiến hành mã hóa bộ đề thi. Mỗi đề thi được đánh số ngẫu nhiên, số đó gọi là số mã hoá. Mỗi một bộ đề thi đều có 1 bộ mã hoá riêng không trùng nhau.
2. Ngân hàng đề thi được lưu tại khoa/bộ môn, mã hóa theo quy định và được sử dụng cho các kỳ thi kết thúc học phần/môn học.
3. Đề thi/đáp án được định kỳ tổ chức cập nhật, bổ sung và hoàn thiện trong quá trình sử dụng;
4. Chậm nhất sau 06 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ, nếu Trưởng bộ môn không có yêu cầu chỉnh sửa đề thi/đáp án thì bộ đề thi/đáp án trước đó tiếp tục được sử dụng trong học kỳ tiếp theo.
5. Trước khi tổ chức thi kết thúc học phần 07 ngày trợ lý khoa/cán bộ phụ trách quản lý ngân hàng đề thi thuộc khoa chuyên ngành thực hiện việc chọn mã đề thi sao cho đủ số lượng đề cho một kỳ thi theo quy định. Các đề thi phải được trưởng/phó bộ môn ký duyệt (đề thi gốc) và niêm phong bảo mật trước khi bàn giao nhân bản tại phòng sao in đề thi.
6. Đề thi gốc được trợ lý khoa / cán bộ phụ trách quản lý ngân hàng đề thi thuộc khoa chuyên ngành thực hiện sao in, nhân bản đề thi cho từng học phần, từng ca thi, ngày thi theo số lượng sinh viên từng phòng thi với sự chứng kiến của Trưởng ban sao in (Lãnh đạo phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí) và chịu trách nhiệm về tính bảo mật, đầy đủ, toàn vẹn và rõ ràng của đề thi. Mỗi phòng thi có một túi đề thi, trong đó số lượng đề bằng số sinh viên đủ điều kiện dự thi theo danh sách cộng thêm 01 hoặc 02 đề thi dự trữ. Ghi sổ theo dõi sao in đề thi (Mẫu CL02-BM04). Sau khi nhân bản, đề thi gốc được niêm phong bảo mật theo quy định.
7. Túi đề thi phải được niêm phong, đóng gói và lưu trữ bảo mật. Trên túi đựng đề thi phải ghi đầy đủ các thông tin theo quy định (họ tên giảng viên giảng dạy, môn thi, số lượng đề thi, lần thi, học kỳ, năm học, thời gian làm bài, được hay không được sử dụng tài liệu, hình thức thi).
8. Việc in sao, hủy đề thi (sao in sai hoặc hư hỏng) phải được thực hiện ngay tại phòng sao in đề thi theo nguyên tắc bảo mật.
9. Sau khi tiến hành sao in xong, đề thi gốc, đáp án và túi đề thi đã được niêm phong phải được bàn giao lại cho Trưởng ban sao in và ghi vào Sổ giao nhận đề thi (Mẫu:CL02-BM03). Trưởng ban sao in chịu trách nhiệm bàn giao túi đựng đề thi cho Thư ký trực thi để chuẩn bị cho công tác tổ chức thi, ghi vào Sổ bàn giao túi đề thi( Mẫu: CL02-BM05).
- 10.Đối với hình thức thi trắc nghiệm trên giấy, sinh viên làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm. Đối với hình thức thi tự luận, sinh viên làm bài trên giấy thi.
- 11.Thời gian sử dụng bộ đề thi là 02 đến 3 năm. Trong từng năm học các khoa xem xét loại bỏ, chỉnh sửa những đề thi không còn phù hợp và bổ sung thêm các câu hỏi mới trong từng năm học (nếu cần thiết).

## **Điều 17. Chế độ bảo mật**

1. Danh sách cán bộ, giảng viên tham gia biên soạn, quản lý đề thi, sao đề thi, đóng gói niêm phong đề thi phải được bảo mật.

2. Đề thi, ngân hàng đề thi và đáp án của đề thi khi chưa công bố là tài liệu thuộc danh mục bí mật Nhà trường.

3. Trưởng Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí (Phòng ĐBCL&KT), Trưởng Khoa/Bộ môn, các cán bộ phụ trách quản lý ngân hàng đề thi của Khoa chuyên ngành và cán bộ sao đề thi, các giảng viên tham gia biên soạn hay thẩm định đề thi, tham gia coi thi thực hiện đúng quy định về chế độ bảo mật đề thi.

## Chương V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 18. Trách nhiệm phối hợp của các đơn vị**

1. Phòng ĐBCL & KT có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, quản lý đề thi; phối hợp trợ lý khoa/giảng viên sao đề thi phục vụ các kỳ thi.

b) Trực thi, tiếp nhận ý kiến phản hồi của giảng viên, sinh viên về đề thi trong quá trình tổ chức thi và phối hợp với các đơn vị liên quan để giải quyết kịp thời; phối hợp với các Khoa, Bộ môn, các đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi.

c) Tiếp nhận các biên bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên tham gia quy trình ra đề thi; tiếp nhận các biên bản làm việc của Tổ ra đề, biên bản thẩm định, bàn giao đề thi; phối hợp với Khoa, Bộ môn, Phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị, cá nhân có liên quan, hoàn tất thủ tục thanh toán kinh phí ra đề thi.

2. Các Khoa/Bộ môn có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Phòng ĐBCL & KT, các đơn vị, cá nhân có liên quan kiểm kê ngân hàng đề thi, xây dựng kế hoạch biên soạn đề thi.

b) Giới thiệu danh sách giảng viên có đủ tiêu chuẩn, năng lực biên soạn và thẩm định đề thi.

c) Quản lý hoạt động chuyên môn của các Tổ ra đề thi khi biên soạn, thẩm định, tổ hợp đề thi. Hoàn tất các biên bản phân công nhiệm vụ các thành viên Tổ ra đề thi, các biên bản làm việc trong quá trình biên soạn, thẩm định, tổ hợp đề thi.

d) Quản lý ngân hàng đề thi, câu hỏi thi, phối hợp với Phòng ĐBCL & KT tiếp nhận thông tin, giải quyết thắc mắc của sinh viên, giảng viên về đề thi trong quá trình coi thi, chấm thi.

đ) Tiến hành cập nhật, chỉnh sửa ngân hàng đề thi, câu hỏi thi cho phù hợp yêu cầu mới của chương trình đào tạo.

e) Chỉ đạo Tổ ra đề thi phối hợp với Phòng ĐBCL & KT, phòng Tài chính - Kế toán tiến hành thanh quyết toán kinh phí biên soạn, thẩm định và sử dụng đề thi.

3. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm quản lý chương trình đào tạo các chuyên ngành, thẩm định kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo, quản lý công tác cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo.

4. Phòng Tổ chức hành chính có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng thẩm định danh sách giảng viên đủ điều kiện tham gia biên soạn, thẩm định, tổ hợp đề thi. Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, địa điểm làm việc cho các đơn vị trong quá trình ra đề thi.

5. Phòng Tài chính - Kế toán có trách nhiệm giúp Khoa/ Bộ môn và các đơn vị xây dựng dự toán, chuẩn bị kinh phí, tiến hành các thủ tục thanh toán kinh phí ra đề thi. Kinh phí cho các hoạt động biên soạn, thẩm định, tổ hợp đề thi được các đơn vị đề xuất thanh toán và thanh toán sau khi ngân hàng đề thi, câu hỏi thi và đáp án được nghiệm thu.

#### **Điều 19. Khen thưởng, kỷ luật**

1. Cán bộ tham gia quá trình tổ chức và thực hiện nhiệm vụ ra đề thi; quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được sự tôn vinh, giới thiệu từ đơn vị cơ sở sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua khen thưởng.

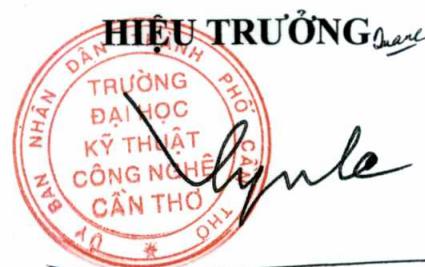
2. Cán bộ tham gia quá trình tổ chức và thực hiện nhiệm vụ ra đề thi; quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm quy trình bảo mật đề thi (bị phát hiện trong khi làm nhiệm vụ hoặc sau khi kỳ thi kết thúc) thì sẽ xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định pháp luật của Nhà nước.

#### **Điều 20. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Các Khoa, Bộ môn, Phòng, Ban thuộc Trường, các cán bộ, giảng viên tham gia ra đề thi, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi nghiêm túc thực hiện quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, đề xuất góp ý bổ sung và sửa đổi, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Phòng DBCL & KT, Phòng DBCL & KT có trách nhiệm báo cáo, tham mưu với Hiệu trưởng để tổ chức xem xét sửa đổi Quy định ./.



Huỳnh Thành Nhã



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
KHOA.....**

**ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
HỌC KỲ ..., NĂM HỌC 20... - 20...**

**Mã đề:**

.....

Học phần/Môn học: .....

Mã lớp học phần: ..... Hình thức: **Tự luận** .....

Thời gian làm bài: ..... phút (*không kể thời gian phát đề*) .....

Sinh viên **được/không được** sử dụng tài liệu khi làm bài .....

**Câu 1** (....điểm):

**Câu 2** (....điểm):

**Câu 3** (....điểm):

.....

**Lưu ý:** Đề thi gồm ... câu (... trang).

Hết./.

**Trưởng Bộ môn** <tên Bộ môn>  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo khoa**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày .... tháng .... năm 20...  
**Giảng viên ra đề**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
**KHOA**.....



**ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
HỌC KỲ ..., NĂM HỌC 20...- 20...

**Mã đề:**

.....

Học phần/Môn học: .....

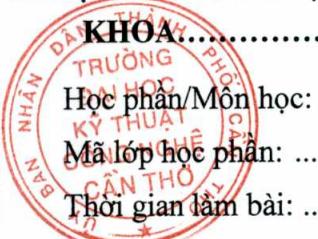
Mã lớp học phần: ..... Hình thức: **Tự luận**.....Thời gian làm bài: ..... phút (*không kể thời gian phát đề*) .....Sinh viên *được/không được* sử dụng tài liệu khi làm bài .....

Câu	Ý	Đáp án/yêu cầu cần đạt	Điểm	Ghi chú
1	1	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	<b>Tổng điểm câu 1</b>		...	
2	1	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	<b>Tổng điểm câu 2</b>		...	
3	1	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	...	..... ..... .....	...	
	<b>Tổng điểm câu 3</b>		...	
...		..... ..... .....	...	
<b>Tổng điểm toàn bài (1+2+3+...)</b>			<b>10.0</b>	

Trưởng Bộ môn <tên Bộ môn>  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày ... tháng ... năm 20...  
Giảng viên ra đề  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
**KHOA.....**



ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
HỌC KỲ ..., NĂM HỌC 20...-20...

**Mã đề:**

.....

Học phần/Môn học: .....

Mã lớp học phần: ..... Hình thức: **Trắc nghiệm** .....

Thời gian làm bài: ..... phút (*không kể thời gian phát đề*) .....

Sinh viên *được/không được* sử dụng tài liệu khi làm bài .....

(Câu hướng dẫn, yêu cầu)

**Câu 1:** .....

- |          |          |
|----------|----------|
| A. ..... | B. ..... |
| C. ..... | D. ..... |

**Câu 2:** .....

- |          |          |
|----------|----------|
| A. ..... | B. ..... |
| C. ..... | D. ..... |

(Nếu phần trả lời trắc nghiệm quá dài thì có thể thiết kế câu hỏi theo dạng sau:

**Câu 3:** .....

- |          |
|----------|
| A. ..... |
| B. ..... |
| C. ..... |
| D. ..... |

Lưu ý: Đề thi gồm ... câu (... trang).

Hết./.

04

**Trưởng Bộ môn <tên Bộ môn>**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo khoa**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày .... tháng .... năm 20...  
**Giảng viên ra đề**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
HỌC KỲ ..., NĂM HỌC 20...-20...

**KHOA.....**



**PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**

Mã đề:

.....

Học phần/Môn học: .....

Mã lớp học phần: ..... Hình thức: **Trắc nghiệm** .....

Thời gian làm bài: ..... phút (*không kể thời gian phát đề*) .....

Họ và tên sinh viên	Điểm số	Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2
Mã số sinh viên	Điểm chữ	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2

<b>1</b>	A	B	C	D	<b>21</b>	A	B	C	D	<b>41</b>	A	B	C	D
<b>2</b>	A	B	C	D	<b>22</b>	A	B	C	D	<b>42</b>	A	B	C	D
<b>3</b>	A	B	C	D	<b>23</b>	A	B	C	D	<b>43</b>	A	B	C	D
<b>4</b>	A	B	C	D	<b>24</b>	A	B	C	D	<b>44</b>	A	B	C	D
<b>5</b>	A	B	C	D	<b>25</b>	A	B	C	D	<b>45</b>	A	B	C	D
<b>6</b>	A	B	C	D	<b>26</b>	A	B	C	D	<b>46</b>	A	B	C	D
<b>7</b>	A	B	C	D	<b>27</b>	A	B	C	D	<b>47</b>	A	B	C	D
<b>8</b>	A	B	C	D	<b>28</b>	A	B	C	D	<b>48</b>	A	B	C	D
<b>9</b>	A	B	C	D	<b>29</b>	A	B	C	D	<b>49</b>	A	B	C	D
<b>10</b>	A	B	C	D	<b>30</b>	A	B	C	D	<b>50</b>	A	B	C	D
<b>11</b>	A	B	C	D	<b>31</b>	A	B	C	D	<b>51</b>	A	B	C	D
<b>12</b>	A	B	C	D	<b>32</b>	A	B	C	D	<b>52</b>	A	B	C	D
<b>13</b>	A	B	C	D	<b>33</b>	A	B	C	D	<b>53</b>	A	B	C	D
<b>14</b>	A	B	C	D	<b>34</b>	A	B	C	D	<b>54</b>	A	B	C	D
<b>15</b>	A	B	C	D	<b>35</b>	A	B	C	D	<b>55</b>	A	B	C	D
<b>16</b>	A	B	C	D	<b>36</b>	A	B	C	D	<b>56</b>	A	B	C	D
<b>17</b>	A	B	C	D	<b>37</b>	A	B	C	D	<b>57</b>	A	B	C	D
<b>18</b>	A	B	C	D	<b>38</b>	A	B	C	D	<b>58</b>	A	B	C	D
<b>19</b>	A	B	C	D	<b>39</b>	A	B	C	D	<b>59</b>	A	B	C	D
<b>20</b>	A	B	C	D	<b>40</b>	A	B	C	D	<b>60</b>	A	B	C	D

**Hướng dẫn cách chọn trả lời:**

<b>1</b>	A	<input checked="" type="checkbox"/> B	C	D
<b>2</b>	A	<input checked="" type="checkbox"/> B	C	<input checked="" type="checkbox"/> D
<b>3</b>	A	<input checked="" type="checkbox"/> B	<input checked="" type="checkbox"/> C	<input checked="" type="checkbox"/> D

Chọn phương án B

Bỏ phương án B, chọn phương án D

Bỏ phương án D, chọn lại phương án B

Trường Đại Học Kỹ Thuật - Công Nghệ Cần Thơ **PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM**

1. Mã số sinh viên:



2. Mã đề thi:

①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨
②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	①
③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	①	②
④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	①	②	③
⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	①	②	③	④
⑥	⑦	⑧	⑨	①	②	③	④	⑤
⑦	⑧	⑨	①	②	③	④	⑤	⑥
⑧	⑨	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
⑨	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧

①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨
②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	①
③	④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	①	②
④	⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	①	②	③
⑤	⑥	⑦	⑧	⑨	①	②	③	④
⑥	⑦	⑧	⑨	①	②	③	④	⑤
⑦	⑧	⑨	①	②	③	④	⑤	⑥
⑧	⑨	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
⑨	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦	⑧

Họ tên và chữ ký CBCT

CBCT 1:

Chữ ký:

CBCT 2:

Chữ ký:

3. Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ

4. Điểm thi: .....

5. Phòng thi: .....

6. Họ và tên SV: .....

7. Ngày sinh: ...../...../.....

8. Chữ ký SV: .....

9. Môn thi: .....

10. Ngày thi: ...../...../.....

- |       |   |   |   |       |   |   |   |        |   |   |   |        |   |   |   |        |   |   |   |
|-------|---|---|---|-------|---|---|---|--------|---|---|---|--------|---|---|---|--------|---|---|---|
| 1. A  | B | C | D | 41. A | B | C | D | 81. A  | B | C | D | 121. A | B | C | D | 161. A | B | C | D |
| 2. A  | B | C | D | 42. A | B | C | D | 82. A  | B | C | D | 122. A | B | C | D | 162. A | B | C | D |
| 3. A  | B | C | D | 43. A | B | C | D | 83. A  | B | C | D | 123. A | B | C | D | 163. A | B | C | D |
| 4. A  | B | C | D | 44. A | B | C | D | 84. A  | B | C | D | 124. A | B | C | D | 164. A | B | C | D |
| 5. A  | B | C | D | 45. A | B | C | D | 85. A  | B | C | D | 125. A | B | C | D | 165. A | B | C | D |
| 6. A  | B | C | D | 46. A | B | C | D | 86. A  | B | C | D | 126. A | B | C | D | 166. A | B | C | D |
| 7. A  | B | C | D | 47. A | B | C | D | 87. A  | B | C | D | 127. A | B | C | D | 167. A | B | C | D |
| 8. A  | B | C | D | 48. A | B | C | D | 88. A  | B | C | D | 128. A | B | C | D | 168. A | B | C | D |
| 9. A  | B | C | D | 49. A | B | C | D | 89. A  | B | C | D | 129. A | B | C | D | 169. A | B | C | D |
| 10. A | B | C | D | 50. A | B | C | D | 90. A  | B | C | D | 130. A | B | C | D | 170. A | B | C | D |
| 11. A | B | C | D | 51. A | B | C | D | 91. A  | B | C | D | 131. A | B | C | D | 171. A | B | C | D |
| 12. A | B | C | D | 52. A | B | C | D | 92. A  | B | C | C | 132. A | B | C | D | 172. A | B | C | D |
| 13. A | B | C | D | 53. A | B | C | D | 93. A  | B | C | C | 133. A | B | C | C | 173. A | B | C | C |
| 14. A | B | C | D | 54. A | B | C | D | 94. A  | B | C | D | 134. A | B | C | D | 174. A | B | C | D |
| 15. A | B | C | D | 55. A | B | C | D | 95. A  | B | C | D | 135. A | B | C | D | 175. A | B | C | D |
| 16. A | B | C | D | 56. A | B | C | D | 96. A  | B | C | C | 136. A | B | C | D | 176. A | B | C | C |
| 17. A | B | C | D | 57. A | B | C | D | 97. A  | B | C | D | 137. A | B | C | D | 177. A | B | C | C |
| 18. A | B | C | D | 58. A | B | C | D | 98. A  | B | C | D | 138. A | B | C | C | 178. A | B | C | C |
| 19. A | B | C | D | 59. A | B | C | D | 99. A  | B | C | D | 139. A | B | C | C | 179. A | B | C | D |
| 20. A | B | C | D | 60. A | B | C | D | 100. A | B | C | D | 140. A | B | C | C | 180. A | B | C | C |
| 21. A | B | C | D | 61. A | B | C | D | 101. A | B | C | D | 141. A | B | C | C | 181. A | B | C | D |
| 22. A | B | C | C | 62. A | B | C | D | 102. A | B | C | D | 142. A | B | C | D | 182. A | B | C | D |
| 23. A | B | C | C | 63. A | B | C | D | 103. A | B | C | D | 143. A | B | C | D | 183. A | B | C | D |
| 24. A | B | C | D | 64. A | B | C | D | 104. A | B | C | D | 144. A | B | C | D | 184. A | B | C | D |
| 25. A | B | C | D | 65. A | B | C | D | 105. A | B | C | D | 145. A | B | C | D | 185. A | B | C | D |
| 26. A | B | C | D | 66. A | B | C | C | 106. A | B | C | D | 146. A | B | C | D | 186. A | B | C | D |
| 27. A | B | C | D | 67. A | B | C | C | 107. A | B | C | D | 147. A | B | C | D | 187. A | B | C | D |
| 28. A | B | C | D | 68. A | B | C | D | 108. A | B | C | D | 148. A | B | C | D | 188. A | B | C | D |
| 29. A | B | C | D | 69. A | B | C | D | 109. A | B | C | D | 149. A | B | C | D | 189. A | B | C | D |
| 30. A | B | C | D | 70. A | B | C | D | 110. A | B | C | D | 150. A | B | C | D | 190. A | B | C | D |
| 31. A | B | C | D | 71. A | B | C | D | 111. A | B | C | D | 151. A | B | C | D | 191. A | B | C | D |
| 32. A | B | C | D | 72. A | B | C | D | 112. A | B | C | C | 152. A | B | C | D | 192. A | B | C | D |
| 33. A | B | C | D | 73. A | B | C | D | 113. A | B | C | D | 153. A | B | C | D | 193. A | B | C | D |
| 34. A | B | C | D | 74. A | B | C | D | 114. A | B | C | C | 154. A | B | C | D | 194. A | B | C | D |
| 35. A | B | C | D | 75. A | B | C | D | 115. A | B | C | D | 155. A | B | C | D | 195. A | B | C | D |
| 36. A | B | C | D | 76. A | B | C | D | 116. A | B | C | D | 156. A | B | C | D | 196. A | B | C | D |
| 37. A | B | C | D | 77. A | B | C | D | 117. A | B | C | D | 157. A | B | C | D | 197. A | B | C | D |
| 38. A | B | C | D | 78. A | B | C | D | 118. A | B | C | D | 158. A | B | C | D | 198. A | B | C | D |
| 39. A | B | C | D | 79. A | B | C | D | 119. A | B | C | D | 159. A | B | C | D | 199. A | B | C | D |
| 40. A | E | C | D | 80. A | B | C | D | 120. A | B | C | D | 160. A | B | C | D | 200. A | B | C | D |

Sinh viên / Thí sinh xem kỹ phần hướng dẫn ghi phiếu ở mặt sau

by

## HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

**A. Phần ghi bằng chữ:** Sinh viên dùng bút mực hoặc bút bi (không phải là mực đỏ) để viết, không được phép thay đổi màu mực và nét chữ.

1. Ghi chính xác và đầy đủ các phần để trống từ mục 5 đến mục 10
2. Ghi chính xác và đầy đủ phần số của Mã số sinh viên và Mã đề thi (có in trên đề thi) vào các ô vuông của mục 1 (Mã số sinh viên) và mục 2 (Mã đề thi). (Xem thí dụ bên dưới).

**B. Phần tô các ô tròn:** Sinh viên dùng bút chì

1. Trong mục Mã số sinh viên và Mã đề thi, trên mỗi cột chỉ tô một ô có số thích hợp.

Thí dụ: Sinh viên có Mã số sinh viên là 1800389, nhận đề thi số 234 (có in trên đề thi). Sinh viên sẽ ghi số vào các ô vuông và tô đen ô tròn có số tương ứng trong mỗi cột như sau:

**1. Mã số sinh viên**

1	8	0	0	3	8	9
0	0	●	●	0	0	0
●	1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	●	3	3
4	4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7	7
8	●	8	8	8	●	8
9	9	9	9	9	9	●

**2. Mã đề thi**

2	3	4	← Phần ghi số (dùng bút mực hoặc bút bi)
0	0	0	
1	1	1	
●	2	2	
3	●	3	
4	4	●	
5	5	5	
6	6	6	
7	7	7	
8	8	8	
9	9	9	

Phần tô đen vào ô tròn (dùng bút chì)

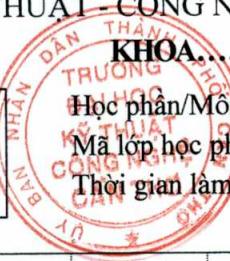
Sinh viên cần xem kỹ thí dụ trên để ghi và tô chính xác vào các mục Mã số sinh viên và Mã đề thi của mình.

2. Khi thay đổi câu trả lời, sinh viên chọn ô trả lời mới và tẩy ô cũ thật sạch, tránh làm rách phiếu trả lời.
3. Lưu ý: Các trường hợp câu trả lời không được chấm:
  - a. Gạch chéo vào ô trả lời A B ✕ D
  - b. Đánh dấu ✓ vào ô trả lời A B' C D
  - c. Không tô kín ô trả lời A B ☁ D
  - d. Chấm vào ô trả lời A B C D
  - e. Tô 2 ô trở lên cho một câu ● ● C D
  - f. Khi thay đổi câu trả lời, sinh viên tô một ô mới nhưng tẩy ô cũ không sạch.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
**KHOA.....**

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC**  
KỲ ..., NĂM HỌC 20...- 20...

Mã đề:



Học phần/Môn học: .....

Mã lớp học phần: ..... Hình thức: Trắc nghiệm .....

Thời gian làm bài: ..... phút (không kể thời gian phát đề) .....

Câu	Đáp án	Điểm	Câu	Đáp án	Điểm	Câu	Đáp án	Điểm
1			21			41		
2			22			42		
3			23			43		
4			24			44		
5			25			45		
6			26			46		
7			27			47		
8			28			48		
9			29			49		
10			30			50		
11			31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		

Ngày .... tháng .... năm 20...

Trưởng Bộ môn <tên Bộ môn>  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên ra đề  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
HỌC KỲ ..., NĂM HỌC 20...-20...



Mã đề:

.....

Học phần/Môn học: .....

Mã lớp học phần: ..... Hình thức: **Trắc nghiệm + Tự luận** .....Thời gian làm bài: ..... phút (*không kể thời gian phát đề*) .....Sinh viên *được/không được* sử dụng tài liệu khi làm bài .....

### I/- Phần trắc nghiệm

(Câu hướng dẫn, yêu cầu)

**Câu 1:** .....

- |          |          |
|----------|----------|
| A. ..... | B. ..... |
| C. ..... | D. ..... |

**Câu 2:** .....

- |          |          |
|----------|----------|
| A. ..... | B. ..... |
| C. ..... | D. ..... |

(Nếu phần trả lời trắc nghiệm quá dài thì có thể thiết kế câu hỏi theo dạng sau:

**Câu 3:** .....

- |          |
|----------|
| A. ..... |
| B. ..... |
| C. ..... |
| D. ..... |

### II/- Phần tự luận

**Câu 1** (....điểm):

.....  
.....

**Câu 2** (....điểm):

.....  
.....

**Lưu ý:** Đề thi gồm ... câu (...trang)

Hết./.

b4

Ngày .... tháng .... năm 20...

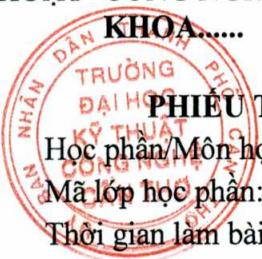
Trưởng Bộ môn <ten Bộ môn>  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo khoa  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên ra đề  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

KỲ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
HỌC KỲ ..., NĂM HỌC 20...- 20...



### PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN

Mã đề:  
.....

Học phần/Môn học: .....

Mã lớp học phần: ..... Hình thức: **Trắc nghiệm và tự luận** ....

Thời gian làm bài: ..... phút (*không kể thời gian phát đề*) .....

Họ và tên sinh viên	Điểm số	Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2
Mã số sinh viên	Điểm chữ	Cán bộ chấm thi 1	Cán bộ chấm thi 2

#### Phần 1: Trắc nghiệm

*Hướng dẫn cách chọn trả lời:*

1	A	B	C	D
2	A	B	C	D
3	A	B	C	D

Chọn phương án B

Bỏ phương án B, chọn phương án D

Bỏ phương án D, chọn lại phương án B

1	A	B	C	D	11	A	B	C	D	21	A	B	C	D	31	A	B	C	D
2	A	B	C	D	12	A	B	C	D	22	A	B	C	D	32	A	B	C	D
3	A	B	C	D	13	A	B	C	D	23	A	B	C	D	33	A	B	C	D
4	A	B	C	D	14	A	B	C	D	24	A	B	C	D	34	A	B	C	D
5	A	B	C	D	15	A	B	C	D	25	A	B	C	D	35	A	B	C	D
6	A	B	C	D	16	A	B	C	D	26	A	B	C	D	36	A	B	C	D
7	A	B	C	D	17	A	B	C	D	27	A	B	C	D	37	A	B	C	D
8	A	B	C	D	18	A	B	C	D	28	A	B	C	D	38	A	B	C	D
9	A	B	C	D	19	A	B	C	D	29	A	B	C	D	39	A	B	C	D
10	A	B	C	D	20	A	B	C	D	30	A	B	C	D	40	A	B	C	D

(Số lượng câu hỏi tùy theo cấu trúc đề thi quy định)

#### Phần 2: Tự luận

Câu 1: .....

.....

.....

.....

.....

.....

b4

Câu 2: .....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: .....

.....

.....

.....

.....

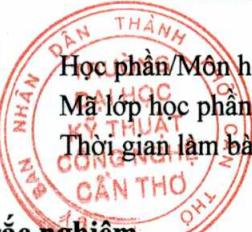
.....

**Ghi chú:** Nếu phần thi trắc nghiệm sử dụng phiếu chấm máy, phần thi tự luận sẽ sử dụng mẫu giấy thi chung của Trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
KHOA.....

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
HỌC KỲ ..., NĂM HỌC 20...- 20...

Mã đề:



Học phần/Môn học: .....

Mã lớp học phần: ..... Hình thức: **Trắc nghiệm và tự luận** .....Thời gian làm bài: ..... phút (*không kể thời gian phát đề*) .....**Phần 1: Trắc nghiệm**

Câu	Đáp án						
1		11		21		31	
2		12		22		32	
3		13		23		33	
4		14		24		34	
5		15		25		35	
6		16		26		36	
7		17		27		37	
8		18		28		38	
9		19		29		39	
10		20		30		40	

Tổng điểm: ...

**Phần 2: Tự luận**

Câu	Ý	Đáp án/yêu cầu cần đạt	Điểm	Ghi chú
1	1		...	
			...	
			...	
	...		...	
			...	
		<b>Tổng điểm câu 1</b>	...	
2	1		...	
			...	
			...	
	...		...	
			...	
		<b>Tổng điểm câu 2</b>	...	
...			...	
<b>Tổng điểm các câu tự luận</b> (1+2+3+...)			...	

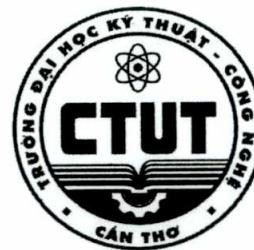
Tổng điểm toàn bài: (*trắc nghiệm + tự luận = 10.0*)

b/4

**Trưởng Bộ môn <ten Bộ môn>**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ngày.....tháng.....năm 20.....*  
**Giảng viên ra đê**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



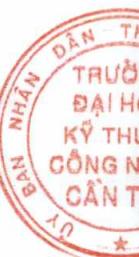
Mẫu CL02-BM03

**SỔ GIAO NHẬN ĐỀ THI**

*Quyển số:*.....

*Bắt đầu ghi từ ngày:*.....

*Đến ngày:*.....



## Số giao nhận đề thi

Mẫu:CL02-BM03

11



UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



SỐ THEO DÕI SAO IN ĐỀ THI

Quyển số:.....

Bắt đầu ghi từ ngày:.....

Đến ngày:.....



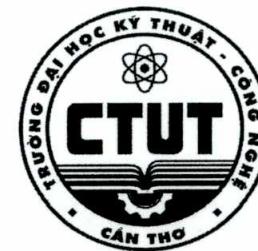
Sô sao in đê thi

Mẫu:CL02-BM04

Don



UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



**SỔ BÀN GIAO TÚI ĐỀ THI**  
**Giữa Ban sao in và Thư ký trực thi**

*Quyển số:*.....

*Bắt đầu ghi từ ngày:*.....

*Đến ngày:*.....

### Số bàn giao túi đề thi

Mẫu:CL02-BM05



TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**BẢNG PHÂN CÔNG GIÁNG VIÊN  
XÂY DỰNG NGÂN HÀNG ĐỀ THI,  
CAU HỎI THI TRẮC NGHIỆM KẾT THÚC HỌC PHẦN**

Môn: .....

STT	Họ và tên	Số lượng đề thi tự luận/ câu hỏi thi trắc nghiệm	Ghi chú
1			Từ đề/câu số ... đến đề/câu số ...
2			
3			
4			

Cần Thơ, ngày .... tháng.... năm 20

Trưởng Bộ môn <tên Bộ môn>

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo khoa  
(Ký và ghi rõ họ tên)

bay

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ - CẦN THƠ  
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Cần Thơ, ngày      tháng      năm 20...

### KẾT CẤU ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Tên học phần: ..... Mã học phần: .....

Hình thức thi: (tự luận hoặc trắc nghiệm) trên giấy .....

Số tín chỉ: ..... Năm thứ: ..... Học kỳ: .....

Thời gian áp dụng kết cấu: từ học kỳ ..... Năm học: .....

Thời gian làm bài: ..... phút

Kết cấu đề thi gồm: ..... câu

### CẤU TRÚC ĐỀ THI

Nội dung đề xuất	Cấp độ nhận thức				Cộng
	Nhớ	Hiểu, vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá	
Nội dung 1	Số câu: .....	Số câu: .....	Số câu: .....	Số câu: .....	..... câu
	Số điểm: .....	Số điểm: .....	Số điểm: .....	Số điểm: .....	..... điểm
	Tỷ lệ: .....	Tỷ lệ: .....	Tỷ lệ: .....	Tỷ lệ: .....	Tỷ lệ: .....
Nội dung 2	Số câu: .....	Số câu: .....	Số câu: .....	Số câu: .....	..... câu
	Số điểm: .....	Số điểm: .....	Số điểm: .....	Số điểm: .....	..... điểm
	Tỷ lệ: .....	Tỷ lệ: .....	Tỷ lệ: .....	Tỷ lệ: .....	Tỷ lệ: .....
.....	.....	.....	.....	.....	.....
Cộng					..... câu 10 điểm

b-4

**Ghi chú:** Nội dung đề xuất (câu lấy ngẫu nhiên trong tất cả các nội dung hoặc lấy ngẫu nhiên theo nhóm thang điểm/chương/nhóm nội dung...). Phân loại cấp độ nhận thức tùy thuộc vào nội dung học phần, không bắt buộc phải có câu hỏi thi ở tất cả các cấp độ trong mỗi nội dung đề xuất.

LÃNH ĐẠO KHOA  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN <tên Bộ môn>  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ - CẦN THƠ  
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## TỔNG HỢP BỘ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN



Tên học phần: ..... Mã học phần: .....  
Hình thức thi: .....

### I. KHÁI QUÁT:

- Số tín chỉ: .....
- Áp dụng từ học kỳ ..... Năm thứ: .....

### II. NỘI DUNG

Bộ ngân hàng câu hỏi gồm có ..... phần nội dung, phân bố cụ thể như sau:

#### 1. Phần nội dung 1: gồm có ..... câu

Câu 1: .....

Câu 2: .....

#### 2. Phần nội dung 2: gồm có ..... câu

Câu 3: .....

Câu 4: .....

#### 3. Phần nội dung 3: gồm có ..... câu

Câu 5: .....

Câu 6: .....

.....

### BẢNG PHÂN LOẠI CÂU HỎI

STT	Câu hỏi	Phân loại			
		Nhớ	Hiểu, vận dụng	Phân tích, tổng hợp	Đánh giá
1	Câu 1	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Câu 2	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Câu 3	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
....	....				

Cần Thơ, ngày ..... tháng ..... năm 20....

TRƯỞNG BỘ MÔN <tên Bộ môn>

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA  
(Ký, ghi rõ họ tên)

### Ghi chú:

- **Phản Nội dung** có thể phân theo Chương, Nhóm điểm hay theo đánh giá mức độ câu hỏi. Số thứ tự của câu hỏi được đánh lần lượt từ 1, 2, 3 .....n+1. Bộ câu hỏi sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 13.

- **Phân loại câu hỏi** để xác định trình độ kiến thức của người học, sử dụng bảng phân loại mục tiêu giáo dục của J. Bloom theo 4 mức (mức 1 là mức thấp nhất, mức 4 là mức cao nhất, xem Phụ lục kèm theo).
- Đánh dấu X vào ô phân loại cho từng câu hỏi.

**Phụ lục: Định lượng quá trình nhận thức**

Quá trình nhận thức	Ví dụ về những dạng động từ sử dụng trong câu hỏi này
<b>Nhớ - Lấy những thông tin chính xác từ bộ nhớ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hãy kể tên ....</li> <li>- Hãy viết ....</li> <li>- Hãy nêu...</li> </ul>
<b>Hiểu – Tìm ra ý nghĩa từ những tài liệu giảng dạy hoặc kinh nghiệm giáo dục</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giải thích</li> <li>Tìm ví dụ minh họa</li> <li>Phân loại</li> <li>Tóm tắt</li> <li>Suy luận</li> <li>So sánh</li> <li>Phân biệt</li> </ul>
<b>Vận dụng - Sử dụng tiến trình</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giải bài tập sau</li> <li>Vận dụng mô hình để phân tích...</li> </ul>
<b>Phân tích – Chia khái niệm thành những phần nhỏ và chỉ ra mối liên hệ của chúng tới tổng thể</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích mô hình, chỉ ra ưu nhược điểm của mô hình...</li> </ul>
<b>Tổng hợp – Rút ra quy tắc từ những hiện tượng, sự việc</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Quy nạp</li> </ul>
<b>Đánh giá - Phán xét dựa trên các tiêu chí và các chuẩn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hãy đưa ra ý kiến của mình về vấn đề...</li> </ul>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
KHOA.....

NGÂN HÀNG ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
(Hình thức tự luận)



Tên học phần: ..... Đề số: .....

Thời gian làm bài: ..... phút (không kể thời gian phát đề).....

Được/không sử dụng tài liệu khi làm bài: .....

Câu 1: (.....điểm):

.....  
.....  
.....  
.....

Câu 2: (.....điểm):

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Tổng cộng có: ... câu

Hết ./.

Cần Thơ, ngày .... tháng .... năm 20...

Lãnh đạo Khoa  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng Bộ môn <tên Bộ môn>  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*[Signature]*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

## NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM

KHOA.....



Tên học phần: .....

Được/không sử dụng tài liệu: .....

STT	Nội dung câu hỏi	Câu trả lời	Đáp án
Câu 1:		A: ..... B: ..... C: ..... D: .....	Câu:.....
Câu 2:		A: ..... B: ..... C: ..... D: .....	Câu:.....
Câu...			

Cần Thơ, ngày .... tháng .... năm 20...

Trưởng Bộ môn &lt;tên Bộ môn&gt;

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lãnh đạo Khoa  
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ  
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày.....tháng ....năm 20..



**BIÊN BẢN**  
**PHẢN BIỆN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN VÀ ĐÁP ÁN**

Học phần: .....

Giảng viên ra đề và đáp án: .....

Đề số: .....

Các thành viên tham gia phản biện:

- |  |            |
|--|------------|
| 1. ...., Chức vụ (lãnh đạo Khoa/Bộ môn): | Chủ trì    |
| 2. ...., Chức vụ                         | Thư ký     |
| 3. ...., Chức vụ                         | Thành viên |
| 4. ...., Chức vụ                         | Thành viên |
- .....



**NỘI DUNG PHẢN BIỆN**

(Gợi ý một số nội dung phản biện. Các khoa/bộ môn có thể thay đổi nội dung phản biện cho phù hợp với đặc thù và mục tiêu đào tạo của môn học)

**1. Hình thức trình bày:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Yêu cầu về chuyên môn của đề thi kết thúc học phần:**

- Nội dung của đề thi kết thúc học phần có bám sát đề cương chi tiết?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

- Nội dung của đề thi kết thúc học phần có tính hệ thống và rải đều chương trình môn học?

.....  
.....  
.....  
.....

Đã xem

- Đề thi kết thúc học phần có đảm bảo tính chính xác, chặt chẽ và khoa học?

.....  
.....  
.....  
.....

- Đề thi kết thúc học phần có đáp ứng yêu cầu về đáp án, biểu điểm và thời gian?

.....  
.....  
.....  
.....

- Nội dung của đáp án có đầy đủ, phù hợp và chính xác theo yêu cầu của câu hỏi?

.....  
.....  
.....  
.....

- Lời văn, câu chữ trong đề thi kết thúc phần và đáp án có rõ ràng?

.....  
.....  
.....  
.....

### 3. Đề xuất chỉnh sửa (nếu có):

---

---

---

---

---

---

---

---

---

---

#### **4. Đánh giá tổng quát:**

.....  
.....  
.....  
.....

.....  
.....  
.....  
.....  
**Chủ trì**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*b4*  
**Thư ký**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CÀN THO  
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày.....tháng....năm 20..



**BIÊN BẢN**  
**NGHIỆM THU ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN VÀ ĐÁP ÁN**

**Học phần:** .....

**Giảng viên ra đề và đáp án:** .....

**Đề số:** .....

Các thành viên tham gia nghiệm thu:

- |          |                                |            |
|----------|--------------------------------|------------|
| 1. ...., | Chức vụ (Lãnh đạo Khoa/Bộ môn) | Chủ trì    |
| 2. ...., | Chức vụ                        | Thư ký     |
| 3. ...., | Chức vụ                        | Thành viên |
| 4. ...., | Chức vụ                        | Thành viên |
- .....

đã nghiêm túc thực hiện việc tổ chức nghiệm thu đề thi kết thúc học phần và đáp án môn học ..... theo các bước sau:

**I. Trao đổi và đánh giá của lãnh đạo Khoa/Bộ môn**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**II. Ý kiến của các thành viên**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**III. Kết luận của Chủ trì (lãnh đạo Khoa/Bộ môn)**

.....  
.....  
.....  
.....

**Chủ trì**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thư ký**

(Ký và ghi rõ họ tên)